

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/HS-ST
Ngày: 30-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Kiều.

Ông Nguyễn Văn Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. *Tạ Thành Hoài A*, sinh năm: 1994; tại tỉnh TN; Nơi cư trú: ấp 4, xã BD, huyện GD, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: *Tạ Thành L* (đã chết); Mẹ: *Phan Thị Kim C*; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: Tại Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 14/3/2019 của Công an xã BD, huyện GD xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo An chưa nộp phạt; Tiền án: Không có; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-8-2020 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. *Nguyễn Đức T (Bin)*, sinh năm: 1989; tại tỉnh TN; Nơi cư trú: ấp Cầu Xe, xã HT, thị xã TB, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: *Nguyễn Văn N*; Mẹ: *Nguyễn Thị Thu T1*; Vợ: *Lê Thị Ngọc A1*; Con: chưa có; Tiền sự: đã được xóa; Tiền án: đã được xóa; Nhân thân: Tại bản án số: 45/2012/HSST ngày 14/3/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo *Nguyễn Đức T* 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) về tội “Đánh bạc”; Năm 2014 Công an xã

PD, huyện GD xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. *Nguyễn Quốc L2*, sinh năm: 1999; tại tỉnh TN; Nơi cư trú: ấp TL, xã DT, thị xã TB, tỉnh TN Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn M; Mẹ: Bùi Thị Kim L3; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không có; Tiền án: không có; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại: Tạ Phương T3*, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp 4, xã BD, huyện GD, tỉnh TN (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 25/8/2020, khi đang ở nhà của mình thuộc ấp 4, xã BD, huyện GD, lợi dụng lúc chị ruột là chị Tạ Phương T3 đi vắng, Tạ Thành Hoài A lén lút vào phòng ngủ của chị T3 lấy 01 máy laptop hiệu Apple Macbook Pro 13 Inch 256 GB, rồi gọi điện thoại cho T nói là đã lấy trộm được máy laptop của chị T3 và nhờ T tìm nơi cầm cố để lấy tiền cho T mượn thì T hẹn An đến vườn cao su thuộc ấp 5, xã BD, huyện GD.

Khi đến điểm hẹn, T liên hệ gọi điện thoại cho Nguyễn Quốc L2 nói “Có thằng em kẹt tiền vừa lấy laptop của chị nó, đem xuống xem cầm dùm cho nó” thì L2 biết là máy laptop do trộm cắp mà có và đồng ý. T nhờ Nguyễn Văn Tiến chạy xe chở An đến gặp L2. Sau khi An đưa máy laptop cho L2 xem, do không có mặt khẩu nên L2 gọi điện thoại cho T nói laptop chỉ cầm cố được 7.000.000 đồng nhưng hiện tại chỉ có 5.000.000 đồng khi nào rút được tiền sẽ đưa thêm thì T đồng ý. L2 đưa cho An 5.000.000 đồng, rồi An đem 5.000.000 đồng về đưa cho T. Khoảng 02 giờ sau, T gọi điện thoại cho L2 yêu cầu nạp thẻ Viettel trị giá 1.000.000 đồng và yêu cầu lấy thêm 2.000.000 đồng thì L2 đồng ý. T nhờ Tiến đến gặp L2 lấy tiền đem về đưa lại cho T, rồi T kêu Đặng Đông Quý đến gặp Nguyễn Tường An mua 200.000 đồng ma túy đem về cho T, An, Tiến và Quý cùng sử dụng.

Đến ngày 26/8/2020, An kêu T gọi điện thoại cho L2 nói ghi giấy biên nhận cầm cố máy laptop là 10.000.000 đồng sẽ có người đến chuộc thì L2 đồng ý. Sáng ngày 27/8/2020, gia đình của An đến gặp L2 chuộc lại máy laptop, rồi đến Công an xã BD trình báo và giao nộp máy laptop. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho L2 nạp thẻ 500.000 đồng và kêu L2 đưa thêm 1.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, An, L2 và T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 66 ngày 04/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện GD kết luận: 01 máy Laptop hiệu Apple MacBook Pro 13 Inch 256 GB trị giá 20.430.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 máy Laptop hiệu Apple MacBook Pro 13 Inch 256 GB đã trả lại cho chị T3.

Về trách nhiệm dân sự: T đã bồi thường cho chị T3 10.000.000 đồng tiền chuộc máy laptop xong, chị T3 không có yêu cầu gì thêm.

Về kê biên tài sản: Do An, L2 và T không có tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Tại bản cáo trạng số: 137/CT-VKSGD ngày 03/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh TN đã truy tố bị cáo Tạ Thành Hoài A về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Quốc L2 về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Tạ Thành Hoài A về tội: “Trộm cắp tài sản”; Các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Quốc L2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Tạ Thành Hoài A từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 06 tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L2 từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Ghi nhận chị Tạ Phương T3 đã nhận lại tài sản xong, không có yêu cầu bồi thường.

- Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận chị T3 đã nhận tiền bồi thường xong, không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có gì bào chữa; Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo đã biết lỗi và ăn năn, các bị cáo hứa sẽ không tái phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện GD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện GD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Khoảng 12 giờ ngày 25/8/2020, tại gia đình chị Tạ Phương T3 và bị cáo Tạ Thành Hoài A ngụ tại ấp 4, xã BD, huyện GD, tỉnh TN, lợi dụng lúc chị ruột là chị T3 đi vắng, bị cáo An lén lút

vào phòng ngủ của chị T3 lấy trộm 01 máy laptop hiệu Apple Macbook Pro 13 Inch 256 GB trị giá 20.430.000 đồng. Sau đó bị cáo An liên lạc bị cáo Nguyễn Đức T tìm nơi tiêu thụ tài sản trộm cắp, bị cáo T đồng ý và liên hệ bị cáo Nguyễn Quốc L2 nhờ cầm cố tài sản, bị cáo L2 biết tài sản trộm cắp nhưng vẫn đồng ý nhận cầm cố. Vì vậy hành vi của bị cáo Tạ Thành Hoài A xét thấy có đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Quốc L2 đủ yếu tố cấu thành tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân dẫn đến vụ án do bị cáo An và bị cáo T nghiện ma túy, bất chấp pháp luật nên từ đó dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội, nhằm mục đích có tiền để sử dụng ma túy; Riêng bị cáo L2 kinh doanh dịch vụ cầm đồ muốn hưởng lợi ích từ việc cầm cố tài sản do người khác phạm tội; vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng các bị cáo, nhằm để cải tạo giáo dục các các bị cáo trở thành người công dân tốt, biết chấp hành pháp luật khi hòa nhập cộng đồng, nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo An; Bị cáo T có bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Vì vậy nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu, được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất, mức độ, nhân thân của từng bị cáo, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về tính chất mức độ hành vi của từng bị cáo thì thấy rằng: Đối với bị cáo An là người trực tiếp trộm cắp tài sản, nên bị cáo An phải chịu mức hình phạt tù cao nhất trong vụ án này. Đối với bị cáo T và L2 biết tài sản bị cáo An trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mang tài sản trộm cắp đó đi tiêu thụ nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt tiếp theo sau bị cáo An.

Bị cáo Tạ Thành Hoài A là người trực tiếp trộm cắp tài sản, có nhân thân xấu; có 01 tiền sự chưa được xóa: Tại Quyết định số 11/QĐ-XPHC ngày 14/3/2019 của Công an xã BD, huyện GD xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo An chưa nộp phạt; vì vậy cần áp dụng hình phạt tù mới đủ sức răn đe đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đức T (Bin); có 01 tiền án và 01 tiền sự (đã được xóa): Tại bản án số: 45/2012/HSST ngày 14/3/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) về tội “Đánh bạc”; Năm 2014 Công an xã Phước Đông, huyện GD xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử

dụng trái phép chất ma túy; Do tiền án và tiền sự của bị cáo đã được xóa nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp không có án tích; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội thuộc trường hợp ích nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và đã bồi thường cho bị hại xong. Cho nên đối với hành vi của bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo về cho chính quyền nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Quốc L2 phạm tội thuộc trường hợp ích nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, không có tiền án và tiền sự; bị cáo có nộp sổ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng, chứng tỏ bị cáo có tài sản, cho nên xét thấy không cần áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Tiếp tục tạm giữ sổ tiết kiệm của bị cáo Nguyễn Quốc L2 để đảm bảo thi hành án.

[6] Biện pháp tư pháp:

- Ghi nhận chị Tạ Phương T3 đã nhận lại tài sản bị mất xong.
- Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Nguyễn Đức T (Bin) đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho chị T3 xong, chị T3 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Tạ thành Hoài A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Nguyễn Đức T (Bin) và Nguyễn Quốc L2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Tạ Thành Hoài A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27-8-2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức T (Bin) 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T (Bin) cho UBND xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh TN giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Đức T (Bin) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Quốc L2 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Ghi nhận bị hại chị Tạ Phương T3 đã nhận lại tài sản bị mất xong.
- Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Nguyễn Đức T (Bin) đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho chị T3 xong, chị T3 không yêu cầu bồi thường gì thêm.
- Chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện GD tạm giữ 01 sổ tiết kiệm số SERI: AAC 8008034 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); Chi nhánh TN; Phòng giao dịch Phước Đông mang tên chủ sở hữu: Nguyễn Quốc L2, số tiền 15.000.000 đồng; để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; các bị cáo Tạ Thành Hoài A, Nguyễn Đức T (Bin) và Nguyễn Quốc L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các bị cáo được biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- THADS huyện GD;
- Công an huyện GD;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Lê